

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 3 - 2021
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Diên

Bà Bùi Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Mai Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST – DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị S, sinh năm 1985; dân tộc: Tày.

Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1983; dân tộc: Dao.

Cùng cư trú tại: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang,

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần 02 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai chị Hoàng Thị S trình bày: Chị và anh Trương Văn T tìm hiểu và xây dựng gia đình với nhau từ năm 2001 trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, có tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, nhưng tại thời điểm đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn chị Hoàng Thị S mới được 16 tuổi, anh Trương Văn T mới được 18 tuổi. Sau khi kết hôn chị Hoàng Thị S về làm dâu chung sống với gia đình nhà chồng

tại thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng 14 năm, sau đó thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự chia sẻ động viên chân thành lẫn nhau trong cuộc sống hàng ngày, Ngoài ra anh Trương Văn T không có sự chung thủy, chính vì vậy chị Hoàng Thị S đã bỏ gia đình nhà chồng về nhà ngoại để sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được gia đình, bạn bè, khuyên bảo, hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân không cải thiện được, nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cố níu kéo duy trì cũng không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung: Theo lời khai của nguyên đơn và qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, quá trình chung sống chị Hoàng Thị S và anh Trương Văn T có 02 con chung là Trương Văn T, sinh ngày 06/5/2001 và cháu Trương Thị T, sinh ngày 21/4/2005, cả hai cháu đang sống tại thôn C, xã V, huyện B. Đối với cháu Trương Văn T hiện nay đã đủ 18 tuổi, nên chị Hoàng Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Trương Thị T chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh Trương Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trương Văn T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã gửi thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho anh Trương Văn T theo Luật Tố tụng, nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã phối hợp với chính quyền địa phương xã V, huyện B trực tiếp tổng đạt, thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho anh T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang thụ lý vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị S, anh Trương Văn T biết nhưng vẫn cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, nên Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và điều kiện nuôi con giữa các đương sự tại chính quyền địa phương và niêm yết các văn bản tố tụng để làm cơ sở giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa ngày 09/3/2021 bị đơn vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn, về con chung đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Thị T, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị Hoàng Thị S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn bị đơn Trương Văn T vắng mặt lần 2 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chị Hoàng Thị S đều chấp hành và tuân thủ đúng pháp luật tố tụng, còn bị đơn anh Trương Văn T đã không tuân thủ và không thực hiện đúng nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 11, 12, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn; Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hoàng Thị S và anh Trương Văn T; hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 389 ngày 22 tháng 11 năm 2001, theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn Quyền số: 02 TP/HT-1999-B mở ngày 14/10/2001 của xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì chị Hoàng Thị S và anh Trương Văn T phải chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Về nuôi con chung, đề nghị xử giao cháu là Trương Thị T, sinh ngày 21/4/2005 cho chị Hoàng Thị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Hoàng Thị S được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án anh Trương Văn T đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh Trương Văn T cố tình trốn tránh không chấp hành, Tòa án cũng đã thực hiện việc niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh Trương Văn T theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Trương Văn T vẫn vắng mặt không có lý do và trước khi mở phiên tòa nguyên đơn đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và

khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và các biên bản xác minh tại xã V thấy rằng, chị Hoàng Thị S và anh Trương Văn T lấy nhau năm 2001 có sự tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Hoàng Thị S mới được 16 tuổi, anh Trương Văn T mới được 18 tuổi, chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình về điều kiện kết hôn. Đồng thời, quá trình chung sống giữa hai anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, chị Hoàng Thị S cũng bỏ đi khỏi nhà và đã sống ly thân anh Trương Văn T từ năm 2015 đến nay. Trên cơ sở các biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn đã lập tại chính quyền địa phương và các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Hoàng Thị S và anh Trương Văn T đã thực sự trầm trọng, nay chị Hoàng Thị S có đơn yêu cầu xin được ly hôn, anh Trương Văn T cố tình trốn tránh và không có yêu cầu gì. Do vậy, căn cứ điểm khoản 3 Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 11, 12 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, điểm b khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hoàng Thị S và anh Trương Văn T và hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 389 ngày 22 tháng 11 năm 2001, theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn Quyền số: 02 TP/HT-1999-B mở ngày 14/10/2001 của xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, là phù hợp.

[4] Về việc nuôi con chung: Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn và các biên bản xác minh tại xã V đã xác định chị Hoàng Thị S và anh Trương Văn T có 02 con chung là Trương Văn T, sinh ngày 06/5/2001 và cháu Trương Thị T, sinh ngày 21/4/2005. Quan điểm của chị Hoàng Thị S khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trương Thị T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Trương Văn T đã trưởng thành 18 tuổi nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của chị Hoàng Thị S về việc nuôi con chung là hợp tình, hợp lý phù hợp với quy định của pháp luật. Mặc dù, quá trình giải quyết vụ án anh Trương Văn T không tham gia tố tụng và cũng không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định, tuy nhiên trên cơ sở xác minh tại xã thì hiện nay cháu Trương Thị T đang sống cùng mẹ tại thôn C, xã V, huyện B. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về việc chăm sóc đối với con chung cần áp dụng Điều 12, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu T cho chị Hoàng Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản và công nợ chung: Chị Hoàng Thị S không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Khoản 3 Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 11, 12, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm b khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị S: Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Hoàng Thị S và anh Trương Văn T; hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 389 ngày 22 tháng 11 năm 2001, theo sổ cấp giấy chứng nhận kết hôn Quyền số: 02 TP/HT-1999-B mở ngày 14/10/2001 của xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Khi việc kết hôn trái pháp luật bị hủy thì chị Hoàng Thị S và anh Trương Văn T phải chấm dứt quan hệ vợ chồng.

2. Về việc nuôi con chung: Xử giao cho chị Hoàng Thị S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trương Thị T, sinh ngày 21/4/2005 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Trương Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 0001228 ngày 08 tháng 10 năm 2020.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Tư